| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **216**/2020/DS - PT
Ngày: 30/9/2020
*V/v:"Tranh chấp về tuyên bố hợp đồng tặng cho; yêu cầu tuyên bố Biên bản họp gia đình, tộc họ vô hiệu; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy chỉnh lý biến động"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Trương Công Thi**
*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tiến**
Ông **Phạm Tồn**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về: "*Tranh chấp tuyên bố hợp đồng tặng cho, yêu cầu tuyên bố Biên bản họp gia đình, tộc họ vô hiệu; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy chỉnh lý biến động"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1687/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Trần L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 301 đường T, thành phố Q, Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

* ***Bị đơn*****:** Ông Nguyễn Th, sinh năm 1929; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Xóm K, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Th vắng mặt, bà L có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Th:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 và ông Bùi V, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Xóm K, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Đều có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L:* Bà Phạm Thị Kim Ph, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số nhà 55 đường T3, tổ 3, phường Lê Hồng Phong, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Bá N1, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: Số 56B đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1.Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Minh H, chức vụ: Giám đốc. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn H1, chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Quảng Ngãi-Chi nhánh thành phố Q (Theo Quyết định ủy quyền số 517/QĐ-STNMT ngày 09/7/2018). Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

*Người đại diện theo pháp luật:* Phạm Tấn H2, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Anh K1, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (Văn bản ủy quyền 29/10/2019). Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Minh Ch, chức vụ: Chủ tịch. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị G (Tên gọi khác: G1), sinh năm 1973. Địa chỉ: Đội 8, thôn A, xã T4, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Trần L và bị đơn ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:***

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/6/2019, biên bản làm việc, biên bản hòa giải, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Ngọc A trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, diện tích 966m$^2$, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 318) là của ông bà nội ông Nguyễn Trần L là cụ ông Nguyễn Đức T5 và cụ bà Trương Thị S tạo lập. Cụ T5, cụ S sinh hạ

được 05 người con gồm: Cha ông là ông Nguyễn T6, ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác là G1), hai người chú đã mất trong chiến tranh không có vợ con là ông Nguyễn Đ và ông Nguyễn D.

Khi ông T6 tập kết ngoài Bắc về sinh sống tại Quảng Ngãi vào 1975 thì cụ T5 khi đó không còn sức khỏe để canh tác trên thửa 318 nên quyết định lưu hạ lại cho cha ông, khi lưu hạ ông nội ông không lập thành văn bản hay di chúc. Cha ông đã quản lý, sử dụng thửa 318 từ đó đến năm 1999. Năm 1999, ông T6 chết. Năm 1998, hộ gia đình ông Nguyễn Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) thửa 318 nhưng thời gian này ông T6 bị đau và gia đình ông phải chăm sóc cha ông nên không biết thông tin này. Vì vậy, gia đình ông không làm các thủ tục khiếu nại hay có văn bản gửi đến cơ quan có thẩm quyền về vấn đề ông Th được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 318.

Đến năm 2005, ông L đề nghị ông Nguyễn Th trả lại thửa 318 cho ông vì đây là phần đất của cụ T5, cụ S để lại cho cha ông thì cả hộ ông Nguyễn Th đều đồng ý. Ngày 02/7/2005 tại nhà của ông Nguyễn Th, có mặt ông, ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L cùng thống nhất lập "*Biên bản họp gia đình tộc họ về việc phân chia quyền sử dụng đất*". Chữ viết trong biên bản này là của ông Nguyễn Trần L, chữ ký, chữ viết trong biên bản dưới dòng chữ bên chuyển giao, bên phải dòng chữ chủ hộ chồng là của ông Nguyễn Th, bên phải chữ vợ Nguyễn Thị B là bà Nguyễn Thị L viết, bên phải dòng chữ con gái là chữ ký chữ viết của bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị B đã đồng ý với biên bản này nhưng vì bà B không biết chữ nên không Th ký vào biên bản nên bà B yêu cầu bà L ký thay. Ngày 30/12/2005, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện S1 đã cấp GCNQSDĐ "H" 04587 đối với thửa 318 mang tên ôngNguyễn Trần L. Trên thửa 318, hiện có tường rào, cổng ngõ làm bằng trụ bê tông, kéo lưới B40 bao quanh thửa đất 318, 01 giếng đào có từ đời cụ T5, có 13 cây dừa do ông nội ông trồng, có 07 ngôi mộ của ông nội, bà nội và 02 người chú của ông L và 02 ngôi mộ không có chủ. Ông L xây dựng tường rào, cổng ngõ vào năm 2006, giá trị xây dựng lúc đó là 40.000.000 đồng. Năm 2014, ông Nguyễn Th báo mất GCNQSDĐ thửa 318. Ngày 28/6/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp lại cho hộ ông Nguyễn Th GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 044875, số cấp GCN: CS 03537 và ông Th bà B đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa 318 cho bà Nguyễn Thị L. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 318 giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị B với bên được tặng cho là bà Nguyễn Thị L, được chứng thực tại UBND xã T2 ngày 22/8/2017, số chứng thực 246, quyển số 01/2017-SCT/HĐ là giao dịch dân sự vô hiệu; Hủy GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 044875, số cấp GCN: CS 03537 ngày 28/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Nguyễn Th, sinh

năm 1929, chứng minh nhân dân số 210515566, địa chỉ thường trú xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và hủy việc chỉnh lý biến động tại mục IV trong giấy chứng nhận trên đối với những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: "Tặng cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, CMND số 211427731, địa chỉ tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo hồ sơ số 058661TA001" được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q xác nhận vào ngày 12/9/2017.

*Về các yêu cầu phản tố của ông Th, bà L thì nguyên đơn có ý kiến như sau:*

Đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện S1 cấp cho ông L ngày 30/12/2005, số AĐ 335315, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: "H" 04587 đối với thửa 318 thì ông không đồng ý. Vì thửa 318 là của ông, bà nội ông để lại cho cha ông và sau khi ông Th tự ý đăng ký kê khai đã đồng ý giao cho lại cho ông L. Việc tặng cho được thể hiện bằng biên bản họp gia đình tộc họ về việc phân chia quyền sử dụng đất ngày 02/7/2005 tại nhà ông Nguyễn Th. Trong biên bản này đã thể hiện ý chí của ông Th, vợ ông Th là bà Nguyễn Thị B và con gái là bà Nguyễn Thị L đều thống nhất tặng cho thửa 318 cho ông. Sau khi lập biên bản này, ông đã làm thủ tục đăng ký kê khai và xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa 318 mang tên ông. Việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa 318 cho ông được thực hiện đúng theo trình tự thủ tục luật định. Do đó, việc ông Th, bà L yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện S1 cấp cho ông đối với thửa 318 là không có căn cứ.

Về yêu cầu tuyên bố biên bản họp gia đình tộc họ về việc phân chia quyền sử dụng đất đề ngày 02/7/2005 là vô hiệu vì không hợp pháp thì ông không đồng ý. Vì trước khi lập biên bản này, ông cùng gia đình ông Th đã thống nhất từ trước về việc sẽ lập biên bản trên để giao lại thửa 318 vốn là thửa đất mà ông, bà nội ông đã để lại cho ông Nguyễn T6 canh tác. Ngày 02/7/2005 ông cùng gia đình ông Th, bà B, bà L đã lập biên bản trên tại nhà ông Th. Khi lập biên bản thì có mặt ông, ông Th, bà B, bà L. Chữ viết trong biên bản này là do ông viết, sau khi hoàn thành biên bản trên, ông đã đọc lại biên bản cho mọi người cùng nghe và ông có đưa biên bản này cho bà L tự đọc và kiểm tra lại. Sau khi thống nhất các nội dung trong biên bản, mọi người cùng ký tên vào biên bản này. Chữ ký bên dưới chữ vợ "Nguyễn Thị B" tại mặt sau của biên bản là chữ ký của bà Nguyễn Thị L vì bà B nói rằng bà không biết chữ nên yêu cầu bà L ký thay tên bà vào biên bản, bà B thống nhất với nội dung biên bản.

*Tại đơn phản tố đề ngày 30/11/2018, các biên bản làm việc, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Th là bà Nguyễn Thị L, ông Bùi V, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L là bà Phạm Thị Kim Ph trình bày:*

Nguyên thửa đất số 814 (có ranh giới phía Bắc giáp vườn bà Đỗ Thị C và miếu ông Tiêu, phía Tây giáp đất của ông Trương Văn T7, ông Nguyễn Ng, ông Phùng G2; phía Đông giáp đường liên thôn; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Th1

là của vợ chồng cụ Nguyễn T5 (chết năm 1987) và cụ Trương Thị S (chết năm 1967). Cụ T5 và cụ S sống chung với vợ chồng ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị B từ năm 1963. Năm 1968, cụ Nguyễn T5 cho vợ chồng ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị B toàn bộ diện tích thửa đất trên để quản lý, sử dụng nhưng do bom đạn của Mỹ bắn phá ác liệt trên đất nên không Th làm được và phải bỏ hoang. Sau khi đất nước được giải phóng thì gia đình ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L và ông Bùi V về lại thửa đất này để trồng trọt và canh tác và sử dụng mãi đến nay.

Ông Nguyễn Th là người kê khai đăng ký Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ, theo bản đồ 299/TTg là thửa 814, tờ bản đồ số 13, xã T2, diện tích 928m$^2$, loại đất T. Theo sổ mục kê thì thửa đất trên chủ sử dụng ghi tên ông Nguyễn Th. Năm 1998 ông Nguyễn Th làm thủ tục kê khai và được UBND huyện S1 cấpGCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Th đối với thửa đất số 814 được đổi tên thành thửa 318 cùng với các thửa đất số 331, 332 cùng tờ bản đồ số 17 xã T2 ngày 22/12/1998. Đến năm 2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 318 cho hộ ông Nguyễn Th ngày 28/6/2016. Sau đó ông Th và bà B làm thủ tục tặng cho bà Nguyễn Thị L thửa 318, bà L làm thủ tục đăng ký biến động và được chỉnh lý biến động sang tên cho bà Nguyễn Thị L ngày 12/9/2017.

Ông Nguyễn T6 là cha của ông Nguyễn Trần L có thời gian tập kết ra Bắc năm 1954 đến sau khi đất nước được giải phóng thì về lại Quảng Ngãi sinh sống. Ông Nguyễn T6 không trực tiếp quản lý hay sử dụng thửa 318. Năm 2003 ông L có về xin ông Nguyễn Th một lô đất tại thửa 318, vì thương cháu nên ông Nguyễn Th có cho ông L một lô bề ngang 5m chiều dài hết đất tại thửa 318. Ông L cũng thừa nhận ông Th chỉ cho ông 1 lô đất tại thửa 318, cụ thể tại Đơn xin đăng ký biến động đất đai xin cấp GCNQSDĐ đề ngày 10/9/2005 do chính ông L tự viết, tự ký tại dòng cuối có ghi:*"Xin tách thửa đất số 318 cho cháu Nguyễn Trần L để làm nhà ở và cấp giấy mới cho cháu theo biên bản họp gia đình"*.

"*Biên bản họp gia đình tộc họ phân chia quyền sử dụng đất*" lập ngày 02/7/2005 không có giá trị pháp lý để làm cơ sở cấp GCNQSDĐ cho ông L vì biên bản không ghi thời gian bắt đầu mà chỉ có kết thúc lúc 10 giờ, về giới cận cũng không đúng, tại chỗ chữ ký không có áp chỉ của bà Nguyễn Thị B, vì bà B không biết chữ từ nhỏ đến khi chết mà chỉ có chữ viết dưới phần chữ ký là Nguyễn Thị B, tại biên bản làm việc ngày 13/8/2018 ông L cũng thừa nhận bà B không biết chữ nên không ký chữ Nguyễn Thị B là do bà Nguyễn Thị L viết. Biên bản không có chứng nhận của công chứng Nhà nước hoặc chứng thực của UBND xã theo Điều 692 Bộ Luật dân sự năm 1995, điểm b khoản 1 Điều 129 Luật đất đai năm 2003.

Gia đình ông Nguyễn Th không biết thửa 318 năm 2005 đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Trần L. Việc cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa 318

là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy GCNQSDĐ do UBND huyện S1 đã cấp cho ông Nguyễn Trần L ngày 30/12/2005, số AĐ 335314, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: "H" 04587, đối với thửa 318; tuyên bố biên bản họp gia đình tộc họ về việc phân chia quyền sử dụng đất đề ngày 02/7/2005là vô hiệu vì không hợp pháp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác là G1) trình bày:*

Tại giấy cam đoan đề ngày 18/9/2018 (bút lục 238); biên bản làm việc ngày 20/9/2018 (bút lục 249) và biên bản làm việc ngày 28/3/2019 (bút lục 247) bà Gữ trình bày: Cha mẹ bà là cụ Nguyễn T5 (chết năm 1987) và cụ Trương Thị S (chết năm 1967). Cha mẹ bà có 3 người con: Bà Nguyễn Thị G (G1), ông Nguyễn Th, ông Nguyễn T6 (chết năm 1999). Nguyên thửa 318 là của cha mẹ bà tạo lập. Cha bà chết không để lại di chúc, bà cũng không biết cha mẹ bà có ý định tặng cho ai. Nhưng ông Nguyễn T6 (là con trai trưởng của cụ T5, cụ S) là người trực tiếp canh tác, sản xuất trên thửa đất này. Sau khi ông T6 chết bà và ông Nguyễn Th đã thống nhất cho ông Nguyễn Trần L trọn quyền sử dụng. Ông T6 chết thì cháu Nguyễn Trần L được thừa kế và toàn quyền sử dụng, bà không tranh chấp, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần L. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Tại đơn trình bày đề ngày 30/01/2019; 22/12/2018; 08/4/2019 (Bút lục 239, 240, 241) bà Gữ cho rằng các thửa 318, 331, 332 cùng tờ bản đồ số 17, xã T2 là của cha mẹ bà, trước khi ông T6 tập kết thì 03 anh chị em bà cùng cha mẹ đều thống nhất toàn bộ đất đai cho hẳn ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị B trực tiếp quản lý, sử dụng làm thủ tục giấy tờ, bà và ông Nguyễn T6 không liên quan gì đến toàn bộ đất của cụ Nguyễn T5 và cụ Trương Thị S.

Kể từ khi cha mẹ bà và 3 anh em đồng nhất giao toàn bộ đất cho vợ chồng ông Th và bà B vào năm 1963 thì ông Th và bà B là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất hợp pháp mãi đến nay đối với thửa 318. Bà đề nghị Tòa án công nhận thửa 318 là của hộ gia đình ông Nguyễn Th, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCNQSDĐ "H" 04587 do UBND huyện S1 ban hành ngày 30/12/2005 cấp cho ông Nguyễn Trần L.

Bà đề nghị Tòa án cho bà rút lại chữ ký đối với biên bản làm việc tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 20/9/2018 giữa Tòa án với bà và biên bản làm việc tại nhà bà ngày 28/3/2019 giữa Tòa án với bà.

*Tại bản trình bày đề ngày 30/10/2018, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi ông Lê Văn H1 trình bày:*

Thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, xã T2, huyện S1 (nay là thành phố Q) được UBND huyện S1 cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Th ngày 22/12/1998. Năm 2016 hộ ông Nguyễn Th nộp hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ. Ngày 28/6/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Th thửa 318 diện tích 966m$^2$ (đất ONT 200m$^2$, đất BHK 766m$^2$).

Ngày 22/8/2017, hộ ông Nguyễn Th lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 318 cho bà Nguyễn Thị L, hợp đồng tặng cho được UBND xã T2 chứng thực ngày 22/8/2017, số chứng thực 247, quyển số 01/2017-SCT/HĐ,GD. Ngày 25/8/2017 bà Nguyễn Thị L nộp hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại bộ phận tiếp nhận và giao trả kết quả hồ sơ một cửa thuộc thành phố Q. Ngày 31/8/2017, Văn phòng Đăng ký Đất đai Chi nhánh thành phố thẩm định hồ sơ, đủ điều kiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Th cho bà Nguyễn Thị L theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9, Điều 106, khoản 1 Điều 167, khoản 1 Điều 168 Luật đất đai năm 2013, Điều 79, khoản 3 Điều 87 Nghị định số 43/2014/TT-BTNMT ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 12/9/2017 Văn phòng Đăng ký Đất đai Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý biến động thửa 318 cho bà Nguyễn Thị L. Việc Văn phòng Đăng ký Đất đai Chi nhánh thành phố Q thực hiện thủ tục về đất đai cho bà Nguyễn Thị L là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Q trình bày:*

Thực hiện Nghị quyết 123/NQ-CP của Chính phủ về việc mở rộng địa giới hành chính huyện S1, để mở rộng địa giới hành chính thành phố và thành lập phường T3, theo đó UBND huyện S1 đã bàn giao hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho UBND thành phố (qua Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – nay là Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố). Qua kiểm tra, không có hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa 318 cấp cho ông Nguyễn Trần L lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh thành phố. Do đó, không có cơ sở để cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T2 không gửi văn bản trình bày ý kiến và có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.*

*Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm:*

Thửa 318 được ông Nguyễn Th đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg vào năm 1986, lúc này cụ Nguyễn Đức T5 còn sống với ông Th và tại thời điểm này Luật đất đai chưa có quy định quyền thừa kế về quyền sử dụng đất. Năm 1998 ông Th đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Sau đó được cấp GCNQSDĐ thửa 318 nhưng ông Th không nhận được. Nên 2014 ông Th làm thủ tục báo mất GCNQSDĐ.

Trên cơ sở đó năm 2016 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp lại GCNQSDĐ thửa 318 cho ông Nguyễn Th là đúng pháp luật.

Năm 2005, khi có Biên bản họp gia đình tộc họ phân chia quyền sử dụng đất lập ngày 02/7/2005 ông L đi đăng ký kê khai và được UBND huyện S1 cấp GCNQSDĐ thửa 318 cho ông L vào ngày 30/12/2005 là trái pháp luật vì: Biên bản họp gia đình tộc họ phân chia quyền sử dụng đất lập ngày 02/7/2005 bản chất mới thể hiện ý chí của ông Nguyễn Th tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Th sang ông L. Nhưng GCNQSDĐ thửa 318 cấp cho ông Nguyễn Th vào năm 1998 là cấp cho hộ ông Th nhưng biên bản họp không có chữ ký của bà B và không được công chứng, chứng thực mà UBND huyện S1 cấp GCNQSDĐ cấp cho ông L là giả mạo. Đồng thời, sau khi được cấp GCNQSDĐ nhưng ông L không quản lý, sử dụng thửa đất này nên khi ông Th báo mất GCNQSDĐ và UBND xã T2 niêm yết 30 ngày nhưng ông L không có ý kiến gì. Do đó, yêu cầu phản tố của ông Th , bà L là có căn cứ.

Đề nghị tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Từ các nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

Căn cứ khoản 4 Điều 131, Điều 136, Điều 176, Điều 707 Bộ luật dân sự năm 1995; Luật đất đai năm 1993, Điều 50; Điều 127 Luật đất đai năm 2003; khoản 4 Điều 3, Điều 163 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trần L.

Hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Nguyễn Th ngày 28/6/2016 đối với thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, diện tích 966m$^2$, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, diện tích 966m$^2$, xã T2 giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị B với bên được tặng cho là bà Nguyễn Thị L được UBND xã T2 chứng thực ngày 22/8/2017 vô hiệu; hủy việc chỉnh lý tại trang IV trong GCNQSDĐ đối với phần nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: "Tặng cho bà Nguyễn Thị L" do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q xác nhận vào ngày 12/9/2017. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị L.

Hủy GCNQSDĐ do UBND huyện S1 cấp cho ông Nguyễn Trần L ngày 30/12/2005 đối với thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, diện tích 966m$^2$, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Tuyên bố *"Biên bản họp gia đình tộc họ về việc phân chia quyền sử dụng đất"* đề ngày 02/7/2005 là vô hiệu.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/3/2020 ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo, lý do kháng cáo: Ông Th, bà L cho rằng về tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm ông Th có mời luật sư Nguyễn Bá Nhật tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tại Bản án sơ thẩm có nêu luận cứ của Luật sư, nhưng tại phần đầu án của Bản án sơ thẩm không có tên Luật sư là sai quy định.

Về nội dung: Thửa đất số 318 do gia đình ông Th sử dụng đã trên 50 năm, đã có đăng ký kê khai từ năm 1983, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Đến năm 2016 tặng cho cho con gái là bà L nhưng Bản án sơ thẩm không giao cho ai cả là không đúng pháp luật. Việc xét xử Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần L và buộc ông Th chịu 4.500.000 đồng chi phí tố tụng là không đúng pháp luật. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông L và buộc ông L phải chịu 9.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Đồng thời giữ nguyên các nội dung khác của Bản án sơ thẩm.

Ngày 04/3/2020 ông Nguyễn Trần L có đơn kháng cáo, lý do kháng cáo ông L cho rằng: Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/12/2005 và tuyên bố "*Biên bản họp gia đình tộc họ phân chia quyền sử dụng đất"* đề ngày 02/7/2005 vô hiệu là không đúng pháp luật, bởi lẽ thửa đất 318 là di sản thừa kế của cụ T5 đã giao lại cho ông Nguyễn T6, theo biên bản họp gia đình ông Nguyễn Th đã thống nhất giao thửa đất 318, diện tích 966 m$^2$ cho ông L, ông L đã được UBND huyện S1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay ông L yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Kim Ph đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, bà L, ông V đại diện theo ủy quyền của ông Th, giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Bá Nhật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của phía bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của ông L, sửa Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Trần L, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy:

A- Về tố tụng:

- Tòa án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Trần L và ông Huỳnh Ngọc A là người đại diện theo ủy quyền của ông L đều vắng mặt. Ông L vắng mặt không có lý do; ông Ất có đơn xin hoãn phiên tòa vì bận tham gia một vụ án khác. Xét thấy việc xin hoãn phiên tòa lần thứ hai của ông Ất là không chính đáng, không phải do sự kiện bất khả kháng, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Việc ông L vắng mặt không có lý do được coi như ông L đã từ bỏ việc kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Trần L.

- Xét kháng cáo của ông Th, bà L về tố tụng, xét thấy: Tại phần đầu án của Bản án sơ thẩm ghi thiếu tên của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Nguyễn Bá Nhật, Hội đồng xét xử yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm đính chính, bổ sung và rút kinh nghiệm.

B- Về nội dung:

[1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị L nhận thấy: Nguồn gốc thửa đất số 318, diện tích 966 $m^2$, tại tờ bản đồ số 17, xã T2, thành phố Q. Các đương sự (nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đều khai nhận về nguồn gốc là do cụ Nguyễn T5 và cụ Trương Thị S tạo lập, trên đất có 13 cây dừa và 07 ngôi mộ, trong đó có 200$m^2$ đất ở và 766$m^2$ đất vườn, cụ T5 mất năm 1987, cụ S mất năm 1967 đều không để lại di chúc (ngoài thửa đất nêu trên thì cụ T5, cụ S còn có 02 thửa đất khác là thửa số 331, diện tích 753 $m^2$ và thửa số 332, diện tích 824 $m^2$ đều cùng tờ bản đồ số 17, xã T2). Sau khi cụ T5 mất thì ông Nguyễn Th trực tiếp quản lý, sử dụng. Năm 1998, ông Th được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả 03 thửa đất. Tuy nhiên, trong đó có thửa 318 khi còn sống ông Nguyễn T6 là con trai cả đi tập kết về thì cụ T5 giao thửa đất này cho ông T6 quản lý sử dụng, sau khi ông T6 mất (năm 1999) ông Th đã ký vào "*Biên bản họp gia đình, tộc họ về việc chia quyền sử dụng đất*", ngày 02/7/2005 về việc giao thửa đất 318 cho ông Nguyễn Trần L, ông L được UBND huyện S1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H"04587 ngày 30/12/2005.

Nhưng đến năm 2016 do ông Th báo mất Giấy CNQSDĐ nên ngày 28/6/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản, tại thửa 318 cho ông Nguyễn Th. Đến ngày

22/8/2017 ông Nguyễn Th lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L. Ngày 12/9/2017 Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Q chỉnh lý biến động thửa đất 318 sang cho bà Nguyễn Thị L đứng tên.

Xét thấy: Với nguồn gốc đất, tài sản trên đất như trên, các thửa đất đã được cụ T5 đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, tại tờ Bản đồ số 17, xã T2. Điều 76 Luật đất đai năm 1993 quy định như sau: "*1. Cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thuỷ sản, sau khi chết thì quyền sử dụng đất của họ được để lại cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật thừa kế. 2- Hộ gia đình được Nhà nước giao đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thuỷ sản, nếu trong hộ có thành viên chết thì các thành viên khác trong hộ được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất mà Nhà nước đã giao cho hộ. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào thì Nhà nước thu hồi đất. 3- Cá nhân, thành viên của hộ gia đình được giao đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp để trồng rừng, đất ở, sau khi chết, quyền sử dụng đất của họ được để lại cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật thừa kế".*

Việc sử dụng đất của cụ T5, cụ S đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ, trên đất đang có tài sản, nên quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ T5 và cụ S. Do vậy, tại Bản án dân sự sơ thẩm đã xác định quyền sử dụng thửa đất số 318, diện tích 966m$^2$, tờ bản đồ số 17, xã T2 là di sản thừa kế của cụ T5, cụ S là có căn cứ pháp luật, việc nguyên đơn trình bày cụ T5 đã cho và giao thửa đất số 318 cho ông Nguyễn T6 nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, đối với ông Th trình bày cụ T5 đã giao cả 03 thửa đất cho ông Th nhưng cũng không cung cấp giấy tờ hoặc di chúc gì về việc cụ T5, cụ S giao hoặc tặng cho ông Th. Việc ông Th đăng ký kê khai đối với cả ba thửa đất do cụ T5, cụ S để lại, nhưng không có ý kiến thống nhất của ông T6, bà Gữ (G1) đều là người thừa kế của cụ T5, cụ S là không đúng quy định của pháp luật. Ông Th cho rằng ông đã quản lý sử dụng đất trên 50 năm là không có cơ sở bởi lẽ đến năm 1987 cụ T5 mới mất. Sau đó, giữa ông Th với ông L ngày 02/7/2005 có lập "*Biên bản họp gia đình, tộc họ về việc chia quyền sử dụng đất*" về việc giao thửa đất 318 cho ông Nguyễn Trần L, cũng không đúng pháp luật vì không có ý kiến của bà Gữ (G1). Đối với việc ông Th báo mất GCNQSDĐ để được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lại Giấy chứng nhận, sau đó ông Th lập hợp đồng tặng cho bà L đều không đúng pháp luật, do quyền sử dụng đất được xác định là di sản thừa kế chưa được phân chia, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Gữ (G1) và ông L.

Do vậy, tại Bản án sơ thẩm cũng đã chấp nhận yêu cầu của ông Th và bà L tuyên bố "*Biên bản họp gia đình tộc họ ngày 02/7/2005"* vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện S1 cấp ngày 30/12/2005 cho ông L. Đồng thời Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản do Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, cấp ngày 28/6/2016 đối với thửa đất 318 diện tích 966 $m^2$ tờ bản đồ số 17 xã T2 cho ông Th và hủy hợp đồng ông Nguyễn Th tặng cho bà Nguyễn Thị L, hủy việc Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý ngày 12/9/2017 sang tên bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do là di sản thừa kế chưa chia, các đương sự không yêu cầu chia di sản thừa kế và không có ai yêu cầu giải quyết hậu quả của các giao dịch bị vô hiệu, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của các đương sự để giải quyết, không giao quyền sử dụng đất cho ai, trường hợp các đương sự không T6 thỏa thuận được mà có yêu cầu hoặc tranh chấp về thừa kế thì giải quyết bằng một quan hệ dân sự khác.

[2]. Đối với kháng cáo của ông Th, bà L về số tiền chi phí tố tụng (xem xét, đo đạc thẩm định tại chỗ và thẩm định giá), Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Bản án sơ thẩm ông Nguyễn Trần L là nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu của ông L được chấp nhận, ngược lại ông Th và bà L có đơn phản tố cũng được chấp nhận, nội dung chấp nhận chỉ hủy các Giấy CNQSDĐ, hợp đồng tặng cho, biên bản họp gia đình nhưng Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tranh chấp về quyền sử dụng đất do liên quan đến di sản thừa kế, chưa có yêu cầu chia. Do vậy, căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, mỗi bên đương sự phải chịu ½ chi phí tố tụng với số tiền 4.500.000 đồng chi phí tố tụng, do ông L đã nộp tạm ứng 9.000.000 đồng, nên ông Th và bà L có trách nhiệm trả lại 4.500.000 đồng cho ông L là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Trần L, ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, Điều 296; khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Trần L.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 4 Điều 131, Điều 136, Điều 176, Điều 707 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 76 Luật đất đai năm 1993, Điều 50; Điều 127 Luật đất đai năm 2003; khoản 4 Điều 3, Điều 163 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trần L.

Tuyên hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Nguyễn Th ngày 28/6/2016 đối với thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, diện tích 966m$^2$, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, diện tích 966m$^2$, xã T2 giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị B với bên được tặng cho là bà Nguyễn Thị L được UBND xã T2 chứng thực ngày 22/8/2017 vô hiệu; hủy việc chỉnh lý tại trang IV trong GCNQSDĐ đối với phần nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: "Tặng cho bà Nguyễn Thị L" do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Quảng Ngãi -Chi nhánh thành phố Q xác nhận vào ngày 12/9/2017. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị L.

Hủy GCNQSDĐ do UBND huyện S1 cấp cho ông Nguyễn Trần L ngày 30/12/2005 đối với thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, diện tích 966m$^2$, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Tuyên bố *"Biên bản họp gia đình tộc họ về việc phân chia quyền sử dụng đất"* đề ngày 02/7/2005 là vô hiệu.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (Bao gồm cả chi phí đo đạc) và thẩm định giá tài sản: Ông Nguyễn Trần L phải chịu 4.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Th phải cùng chịu 4.500.000 đồng. Ông L đã nộp tạm ứng đủ nên bà L, ông Th phải có trách nhiệm trả cho ông L 4.500.000 đồng.

4. Ông Nguyễn Trần L, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Trần L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số AA/2016/0003655 ngày 29/6/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0004245 ngày 18/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng, do từ bỏ kháng cáo nên ông Nguyễn Trần L phải chịu 300.000 đồng. Ông Th, bà L và ông L đã nộp đủ tại các biên lai số 0004146 ngày 12/3/2020 và biên lai số 0004149 ngày 17/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Công Thi**